

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 76 /GPMT-UBND

Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 12 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 1914/BQLDDCN-BĐH1 ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi về việc chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Khiết – Xây dựng ký túc xá; các hạng mục thiết yếu đạt tiêu chuẩn trường chuyên (giai đoạn 2);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6197/TTr-STNMT ngày 30 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh, địa chỉ số 504 Quang Trung, Phường Nguyễn Nghiêm, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Khiết – Xây dựng ký túc xá; các hạng mục thiết yếu đạt tiêu chuẩn trường chuyên (giai đoạn 2)” tại địa chỉ số 112 Chu Văn An, Phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

a) Tên dự án đầu tư: Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Khiết – Xây dựng ký túc xá; các hạng mục thiết yếu đạt tiêu chuẩn trường chuyên (giai đoạn 2).

b) Địa điểm hoạt động: Số 112 Chu Văn An, Phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

c) Quyết định thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi: Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

d) Mã số thuế: 4300788438.

đ) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Giáo dục phổ thông.

e) Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích: Toàn bộ Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Khiết có diện tích khoảng 26.802 m².

- Quy mô: Dự án đầu tư có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

a) Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

b) Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

c) Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

d) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

đ) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất

thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày ký).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Quảng Ngãi chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Quảng Ngãi tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT; PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng;
- UBND thành phố Quảng Ngãi;
- BQL DA ĐTXD các CTDD và CN tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, TTHC, CB-TH;
- Lưu: VT, KTNak1397.



Đặng Văn Minh



Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 76. /GPMT-UBND
 ngày 02... tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: Mười bốn (14) nguồn, cụ thể:

TT	Nguồn thải	Vị trí phát sinh
1	Nguồn số 01	Nước thải sau bể tự hoại số 01 của Khối nhà hiệu bộ
2	Nguồn số 02	Nước thải sau bể tự hoại số 02 của Khối nhà hiệu bộ
3	Nguồn số 03	Nước thải sau bể tự hoại số 01 của khối nhà 36 phòng học
4	Nguồn số 04	Nước thải sau bể tự hoại số 02 của khối nhà 36 phòng học
5	Nguồn số 05	Nước thải sau bể tự hoại của khối bộ môn
6	Nguồn số 06	Nước thải sau bể tự hoại số 01 của ký túc xá A
7	Nguồn số 07	Nước thải sau bể tự hoại số 02 của ký túc xá A
8	Nguồn số 08	Nước thải sau bể tự hoại số 01 của ký túc xá B
9	Nguồn số 09	Nước thải sau bể tự hoại số 02 của ký túc xá B
10	Nguồn số 10	Nước thải sau bể tự hoại của khu chức năng xây mới
11	Nguồn số 11	Nước thải sau bể tự hoại của Nhà bảo vệ ký túc xá B
12	Nguồn số 12	Nước thải khối hội trường xây mới
13	Nguồn số 13	Nước thải từ phòng thí nghiệm (súc rửa dụng cụ thí nghiệm)
14	Nguồn số 14	Nước thải từ hồ bơi

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn nước tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của thành phố Quảng Ngãi tại hai (02) vị trí, trên đường Chu Văn An và đường vào cổng chính Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Dòng thải số 01: Nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 75 m³/ngày đêm (từ nguồn số 01 đến nguồn số 13).

+ Vị trí xả nước thải: Tuyến công thoát nước chung của thành phố

Quảng Ngãi trên đường vào cổng chính Bệnh viện Đa khoa tỉnh, phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Tọa độ đầu nối (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108° , múi chiếu 3°): X= 1671841; Y = 584911.

- Dòng thải số 02: Nước thải từ hồ bơi (nguồn số 14).

+ Vị trí xả nước thải: Tuyến cống thoát nước chung của thành phố Quảng Ngãi trên đường Chu Văn An, phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Tọa độ đầu nối (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108° , múi chiếu 3°): X = 1671973, Y = 585023.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất (theo đề nghị và cam kết của Chủ đầu tư):

- Dòng thải số 01: Lưu lượng xả thải tối đa $75 \text{ m}^3/\text{ngày đêm} \approx 3,13 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng thải số 02: Lưu lượng xả thải tối đa $500 \text{ m}^3/\text{lần xả}$ (tần suất xả: 02 lần/năm học).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Dòng thải số 01: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sẽ tự chảy theo độ dốc ống ra môi trường thông qua đường ống HDPE-D200.

- Dòng thải số 02: Nước hồ bơi sau thời gian sử dụng được bơm thải ra môi trường (không có hệ thống xử lý) thông qua đường ống HDPE-D50.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Dòng thải số 01: Liên tục trong 24 giờ.

- Dòng thải số 02: Định kỳ 02 lần/năm học.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		

7	Nitrat (NO ₃) (tính theo N)	mg/l	50	khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ -CP	khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ -CP
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100 ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt (từ nguồn số 01 đến nguồn số 13) với lưu lượng 61,4m³/ngày đêm sau khi xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại tự chảy về trạm xử lý nước thải với công suất 75 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải hồ bơi (nguồn số 14) với lưu lượng phát sinh khoảng 500 m³ được lọc tuần hoàn tái sử dụng và định kỳ 02 lần/năm xả ra hệ thống thoát nước chung của thành phố Quảng Ngãi (không có hệ thống xử lý).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (từ bể tự hoại, súc rửa dụng cụ thí nghiệm) → Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải đầu ra đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,0.

- Công suất thiết kế: 75 m³/ngày đêm (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng:

TT	Hóa chất sử dụng	Lưu lượng sử dụng (ứng với công suất 75 m ³ /ngày đêm)
1	Chlorine (65%)	0,375 kg/ngày
2	NaOH (99%)	1,5 kg/ngày
3	H ₂ SO ₄ (96%)	1,5 kg/ngày

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Không có.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với trạm xử lý nước thải tập trung:

- Thực hiện đúng quy trình vận hành, các yêu cầu và thông số kỹ thuật thiết kế trong quá trình xây dựng, vận hành.

- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống đường ống và trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (bơm, máy thổi khí,...).

- Trang bị 02 bơm vừa để dự phòng, vừa để hoạt động luân phiên hoặc đồng thời khi cần bơm với lưu lượng lớn.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tiến hành kiểm tra xác định bể/thiết bị xử lý không hiệu quả và nhanh chóng khắc phục tại vị trí xảy ra sự cố trong thời gian ngắn nhất, không để xảy ra tình trạng nước thải ứ đọng lâu ngày phát sinh mùi hôi, gây ảnh hưởng đến môi trường tiếp nhận.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Sau khi hoàn thành thi công và lắp đặt máy móc, thiết bị, không quá 06 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải, công suất 75 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào bể thu gom của trạm xử lý nước thải.

- Tại đầu ra của bể khử trùng của trạm xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ đầu tư phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của trạm xử lý nước thải công suất 75 m³/ngày đêm theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Việc quan trắc chất thải do Chủ đầu tư tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của các công trình xử lý chất thải theo khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,0 trước khi thoát ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 76... /GPMT-UBND
ngày 2. tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Một (01) nguồn thải phát sinh, cụ thể:

TT	Nguồn phát sinh	Mô tả
1	Nguồn số 01	Khí mùi từ các bể thu gom, bể tách mỡ, bể điều hòa, bể thiếu khí, bể MBBR và bể chứa bùn của trạm xử lý nước thải công suất 75 m ³ /ngày đêm

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: Một (01) dòng khí thải tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý mùi phát sinh từ trạm xử lý nước thải (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 108° múi chiều 3°: X = 1671852, Y=584908.

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Khiết, tại số 112 Chu Văn An, phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất (theo đề nghị và cam kết của chủ đầu tư):

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 200 m³/giờ ~ 4.800 m³/ngày.đêm.

2.2.1 Phương thức xả khí thải: Khí mùi sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục khi trạm xử lý nước thải hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, K_p=1, K_v=0,8) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Hydro sunfua, H ₂ S	mg/Nm ³	6	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (dòng số 9, cột 6)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (dòng số 9, cột 5)
2	Amoniac và các hợp chất ammoniac	mg/Nm ³	40		

				Phụ lục XXIX)	Phụ lục XXIX)
--	--	--	--	---------------	---------------

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí mùi phát sinh từ các bể của trạm xử lý nước thải được thu gom bằng hệ thống đường ống và quạt hút đưa về hệ thống xử lý khí mùi để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí mùi từ các bể xử lý của trạm xử lý nước thải → Đường ống thu gom → Quạt hút → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thoát khí sạch.

- Công suất thiết kế: Quạt hút 200 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Xây dựng và duy trì chế độ vận hành chuẩn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì thiết bị trong quá trình vận hành.

- Định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến bảo dưỡng và thay thế lớp than hoạt tính mới sau khi đã hết khả năng hấp phụ (trung bình 6 tháng). Lớp than này sẽ được thu gom xử lý như chất thải nguy hại.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm cũng như quá trình hoạt động ổn định nếu Dự án để xảy ra sự cố môi trường ảnh hưởng đến môi trường và người dân xung quanh, Chủ đầu tư phải và đơn vị quản lý, sử dụng thực hiện khắc phục ngay sự cố và báo các sở, ban, ngành liên quan để phối hợp, xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Sau khi hoàn thành thi công và lắp đặt máy móc, thiết bị, không quá 06 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý mùi phát sinh từ trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thải của hệ thống xử lý mùi.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ đầu tư phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý mùi theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Việc quan trắc chất thải do Chủ đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát.

3.4. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.6. Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 76.. /GPMT-UBND
ngày 02 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Một (01) nguồn, cụ thể:

- Nguồn số 01: Các máy thổi khí, máy bơm của trạm xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí cụ thể của các nguồn ồn theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°, múi chiếu 3°: X = 1671847, Y = 584905.

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, QCVN 26/2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27/2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ	
1	70	55	Khu vực thông thường
2	55	45	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường
2	60	55	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị tại trạm xử lý nước thải.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 76./GPMT-UBND
ngày 02. tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Ký hiệu phân loại	Số lượng (kg/năm)
1	Than hoạt tính (trong tháp hấp thụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí mùi	12 01 04	Rắn	NH	4
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	NH	3
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Rắn	KS	2
4	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 06	Rắn	NH	20
5	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất từ phòng thí nghiệm thải có thành phần nguy hại	19 05 02	Lỏng/rắn	KS	20
6	Pin, ắc quy thải	19 06 05	Rắn	NH	2
Tổng					51

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường từ quá trình hoạt động của dự án:

- Chất thải rắn phát sinh từ phòng thực hành chủ yếu là phế liệu như: Giấy, dây điện,... dựa vào quy mô học sinh, khối lượng chất thải rắn phát sinh khoảng 10 kg/năm.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải có mã chất thải 12 06 13 - Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải là chất thải thông thường (theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT): Khối lượng bùn thải phát sinh khi trạm xử lý nước thải hoạt động là 5 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ hoạt động của học sinh, giáo viên và cán bộ quản lý tại trường với khối lượng khoảng 569 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa*: Thùng chứa, bồn nhựa.

2.1.2. *Khu vực lưu chứa*: Các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại được bố trí khu vực riêng tại 03 phòng thực hành (02 phòng thực hành hóa học và 01 phòng thực hành vi tính). Cụ thể:

- Tại 02 phòng thực hành hóa học lưu chứa: Hóa chất và hỗn hợp hóa chất từ phòng thí nghiệm thải có thành phần nguy hại; bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải; than hoạt tính (trong tháp hấp thụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí mùi.

- Tại phòng thực hành vi tính lưu chứa: Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại); pin, ắc quy thải; bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa*:

- Lưu chứa chất thải rắn từ phòng thực hành: Thùng chứa 50 lít.

- Lưu chứa bùn của trạm xử lý nước thải: Tại bể chứa bùn.

2.2.2. *Khu vực lưu chứa*:

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn từ phòng thực hành: Thiết bị lưu chứa đặt tại 03 phòng thực hành (phòng thực hành vật lý, sinh học và công nghệ).

- Khu vực lưu chứa bùn: Bể chứa bùn có kích thước 2,0m x 1,2m x 3,5m, cấu tạo bằng bê tông cốt thép.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa*: Các thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 120 lít.

2.3.2. *Khu vực lưu chứa*: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chứa vào các thùng có nắp đậy loại 120 lít, 240 lít bằng nhựa được bố trí tại các vị trí cố định trong khuôn viên trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại tại 03 phòng thực hành (02 phòng thực hành hóa học và 01 phòng thực hành vi tính) phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp phụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải, sự cố cháy nổ và đảm bảo an toàn cho con người.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **76**. /GPMT-UBND
ngày **02** tháng **12** năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định pháp luật./.